

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ T,
TỈNH AN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 229/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 02 – 7 – 2019

V/v ly hôn giữa
chị X và anh T

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ T, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Kim Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Tám
2. Ông Đặng Anh Doan

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bùi Văn trường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú T, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú T tham gia phiên tòa:

Ông Lê Hữu Đức – Kiểm sát viên

Ngày 02 tháng 7 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện Phú T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 116/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2019/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Bảo X – Sinh năm 1992 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 11, ấp Phú Cường A, xã Phú Thạnh , huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Anh Trịnh Minh T – Sinh năm 1986 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 816, tổ 11, ấp Phú Hữu, thị trấn Chợ Vàm, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04-3-2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Bảo X trình bày:

- Quan hệ hôn nhân: Sau khi tìm hiểu về tình cảm, năm 2010 chị và anh Trịnh Minh T tự nguyện tiến tới hôn nhân, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Chợ Vàm, huyện Phú Tân và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 90/2011 ngày 23-6-2011. Vợ chồng sống hạnh phúc, năm 2015 phát sinh mâu thuẫn do anh T đi làm không lo cho vợ con, vợ chồng cự cãi nhau, từ năm 2015 đến nay vợ chồng ly thân, chị và anh T làm công nhân ở tỉnh Bình Dương vài lần gặp nhau nhưng không hàn gắn. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Bị đơn là anh Trịnh Minh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không đến tham gia tố tụng và không gửi ý kiến bằng văn bản, nên không có lời khai.

- Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trịnh Thị Ý, sinh ngày 22- 5- 2011; Trịnh Bảo S, sinh ngày 20-9-2014 chị X đang nuôi, chị yêu cầu tiếp tục nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

- Về chia tài sản và nợ chung: Không có

Theo chị X trình bày mâu thuẫn vợ chồng có mẹ ruột tên Nguyễn Thị Nga và cha mẹ chồng tên Trịnh Văn Hiếu, Lý Thị Màu biết, đề nghị Tòa án xác minh. Tòa án tiến hành tiến hành thu thập chứng cứ, tại biên bản lấy lời khai ngày 25-3-2019 bà Nga cho biết bà là mẹ ruột của chị X, vợ chồng X có hai đứa con, T đi làm ở tỉnh Bình Dương, còn X ở quê nuôi con, T có gửi tiền về cho X vài lần, nhưng sau đó không gửi nữa và không liên lạc với X, thấy vậy bà kêu X lên Bình Dương tìm gặp T nhưng T không quan tâm, từ đó đến nay X và T không liên lạc và không gặp nhau. Bà nhận thấy X và T không còn tình cảm, không thể hàn gắn trở lại sống chung, bà đề nghị Tòa án cho X ly hôn với T.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 27-3-2019 ông Trịnh Văn Hiếu, bà Lý Thị Màu cho biết, ông bà là cha mẹ ruột của T, việc vợ chồng T mâu thuẫn ông bà không biết, vì hai đứa đi làm công nhân ở tỉnh Bình Dương, nhưng có nghe T nói lại là cha mẹ vợ bắt vợ lại, ông bà có gặp anh chị sui (cha mẹ của X) để hàn gắn nhưng không được, do sui gia không đồng ý và nói những câu khó nghe, từ năm 2015 đến nay vợ chồng T ly thân. Ông bà thấy rằng vợ chồng T không thể hàn gắn, đề nghị Tòa án cho T và X ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật, riêng anh Trịnh Minh T là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, cho thấy anh T chấp hành

nghĩa vụ tổ tụng dân sự chưa nghiêm. Về nội dung, vợ chồng chị X, anh T mâu thuẫn và ly thân từ năm 2015 đến nay, cha mẹ hai bên có hàn gắn nhưng không thành, chị X xin ly hôn là có căn cứ; về con chung, từ lúc ly thân đến nay chị X nuôi con, chị yêu cầu tiếp tục nuôi, không yêu cầu anh T cấp dưỡng, yêu cầu nuôi con của chị X phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình; về tài sản và nợ chung không có, không đề cập. Từ những cơ sở trên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[2] Chị Trần Thị Bảo X khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Trịnh Minh T Tòa án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị X có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Trịnh Minh T (là bị đơn) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị Trần Thị Bảo X và anh Trịnh Minh T.

[3] Về nội dung:

[4] Hôn nhân của chị X và anh T là hợp pháp, vì anh chị có đăng ký kết hôn. Xét tình trạng hôn nhân của anh chị thấy rằng vợ chồng mâu thuẫn và có thời gian dài ly thân từ năm 2015 đến nay, do anh T không quan tâm kinh tế gia đình, không chăm sóc vợ con, thời gian ly thân cha mẹ hai bên có hàn gắn nhưng không thành. Từ đó, cho thấy hôn nhân của chị X và anh T lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị X và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, cho ly hôn giữa chị X và anh T.

[5] Về nuôi con chung: Chị X yêu cầu tiếp tục nuôi 02 con tên Trịnh Thị Ý, sinh ngày 22- 5- 2011; Trịnh Bảo S, sinh ngày 20-9-2014, không yêu cầu anh T cấp dưỡng, cháu Ý đã hơn 07 tuổi có nguyện vọng sống với mẹ. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị X được tiếp tục nuôi 02 con. Chị X không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, nên anh T không phải cấp dưỡng.

[6] Căn cứ khoản 3 Điều 82, Điều 83, 84, 116 Luật hôn nhân và gia đình anh T không trực tiếp nuôi con, anh có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở anh thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

[7] Về chia tài sản: Không có, Tòa án không đề cập.

[8] Về nợ chung: Ghi nhận chị X xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

[9] Về án phí sơ thẩm, căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chị X phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 83, 84, 116 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị Bảo X và anh Trịnh Minh T.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao 02 con chung tên Trịnh Thị Ý, sinh ngày 22 – 5 – 2011; Trịnh Bảo S, sinh ngày 20 – 9 – 2014 cho chị Trần Thị Bảo X trực tiếp nuôi dưỡng, hiện nay chị X đang nuôi. Anh Trịnh Minh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

2.2. Anh Trịnh Minh T không trực tiếp nuôi con, anh có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản: Không có

Về nợ chung: Ghi nhận chị X xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Trần Thị Bảo X phải chịu 300.000đ, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0005583 ngày 22 – 3 – 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện;
- Cơ quan Thi hành án huyện;
- UBND thị trấn Chợ Vàm;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thị Kim Phương

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA